

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Cầu Sông Tô, xã Ba Dinh, huyện Ba Tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1585a/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cầu Sông Tô, xã Ba Dinh, huyện Ba Tư;

Căn cứ Quyết định số 1593a/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Cầu Sông Tô, xã Ba Dinh, huyện Ba Tư;

Căn cứ Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán công trình Cầu Sông Tô, xã Ba Dinh, huyện Ba Tư;

Theo đề nghị của UBND huyện Ba Tư tại Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 23/7/2020 và kết quả thẩm tra của Sở Tài chính tại Báo cáo số 172/BC-STC ngày 23/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Cầu Sông Tô, xã Ba Dinh, huyện Ba Tư.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Ba Tư.
- Địa điểm xây dựng: Xã Ba Dinh, huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Khởi công tháng 01/2017, hoàn thành tháng 11/2018.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nguồn vốn	Dự toán công trình điều chỉnh lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện		
			Đã thanh toán	Thu hồi nộp ngân sách tỉnh	Còn được thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(4)+(5)
Tổng số	13.583.028	12.992.785	13.009.998	33.285	16.072
Chương trình 30a	13.583.028	12.992.785	13.009.998	33.285	16.072

2. Chi phí đầu tư quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán công trình điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán
Tổng số	13.583.028.000	12.992.785.000
1. Chi phí bồi thường, GPMB	193.989.000	193.988.000
2. Chi phí xây dựng (bao gồm hạng mục chung)	11.958.684.000	11.710.211.000
3. Chi phí quản lý dự án	228.700.000	228.700.000
4. Chi phí tư vấn ĐTXD	868.190.000	711.931.000
5. Chi phí khác	333.465.000	147.955.000

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	12.992.785.000	0	0	0
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	12.992.785.000	0	0	0
2. Tài sản ngắn hạn	0	0	0	0

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư của dự án là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	12.992.785.000	
Chương trình 30a	12.992.785.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

+ Tổng nợ phải thu: 33.285.000 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 16.072.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục số II kèm theo)

Thực hiện công nợ: Thu hồi nộp ngân sách tỉnh 33.285.000 đồng và bố trí lại từ nguồn thu hồi này 16.072.000 để trả nợ.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn /cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND huyện Ba Tơ	12.992.785.000	0

3. UBND huyện Ba Tơ (chủ đầu tư) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện đầy đủ ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 172/BC-STC ngày 23/9/2020 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, PT, CBTH;
- Lưu: VT, KTbngoc342

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

Phụ lục số 1

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Công trình: Cầu Sông Tô, xã Ba Đình, huyện Ba Tơ

(Kèm theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng



STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Chi phí bồi thường, GPMB	193.989.000	193.988.000	193.988.000	-1.000	0
1	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp	188.338.517	188.338.000	188.338.000	-517	0
2	Phục vụ bồi thường	5.650.156	5.650.000	5.650.000	-156	0
II	Chi phí xây dựng (bao gồm hạng mục chung)	11.958.684.000	11.714.736.000	11.710.211.000	-248.473.000	-4.525.000
-	Hợp đồng ban đầu	11.506.683.917	11.398.880.793	11.398.880.793	-107.803.124	0
-	Điều chỉnh	451.999.589	452.000.207	447.475.192	-4.524.397	-4.525.015
+	Tăng theo HD ban đầu	134.760.591	172.792.992	171.065.062	36.304.471	-1.727.930
+	Giảm theo HD ban đầu	-501.834	-501.334	-501.334	500	0
+	Phải sinh ngoài phạm vi hợp đồng	317.740.831	279.708.549	276.911.464	-40.829.368	-2.797.085
-	Thực hiện kết luận kiểm toán nhà nước (thừa khối lượng; thừa công tác)	0	-136.145.000	-136.145.000	-136.145.000	0
III	Chi phí quản lý dự án	228.700.000	228.700.000	228.700.000	0	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	868.190.000	718.162.000	711.931.000	-156.259.000	-6.231.000
1	Khảo sát địa hình, địa chất + lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	389.025.071	389.021.000	386.270.000	-2.755.071	-2.751.000
2	Lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT	24.822.756	24.822.000	24.822.000	-756	0
3	Giám sát thi công xây dựng công trình	259.342.193	259.342.000	255.862.000	-3.480.193	-3.480.000
4	Chi phí đo vẽ bản đồ địa chính, cắm cọc GPMB	45.000.000	44.977.000	44.977.000	-23.000	0
5	Kiểm định cầu	150.000.000	0	0	-150.000.000	0
V	Chi phí khác	333.465.000	140.234.000	147.955.000	-185.510.000	7.721.000
1	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	2.660.000	2.660.000	2.660.000	0	0
2	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	21.814.778	21.814.000	21.814.000	-778	0

STT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
3	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp	10.146.408	0	0	-10.146.408	0
4	Bảo hiểm công trình	71.532.178	71.450.000	71.450.000	-82.178	0
5	Thuế tài nguyên	10.803.800	0	0	-10.803.800	0
6	Phi bảo vệ môi trường	11.575.500	0	0	-11.575.500	0
7	Kiểm toán công trình	160.622.000	0	0	-160.622.000	0
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	44.310.000	44.310.000	52.031.000	7.721.000	7.721.000
VI	Dự phòng	416.972.000	0	0	-416.972.000	0
	Tổng cộng:	14.000.000.000	12.995.820.000	12.992.785.000	-1.007.215.000	-3.035.000

Phụ lục số II
BẢNG CÔNG NỢ

Công trình: Cầu Sông Tô, xã Ba Đình, huyện Ba Tơ

(Kèm theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Ba Tơ (nay là Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Ba Tơ)	Chi phí bồi thường, GPMB	193.988.000	193.988.000	0	0
		Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp Phục vụ bồi thường	188.338.000 5.650.000	188.338.000 5.650.000	0 0	0 0
II	Công ty Cổ phần Xây dựng Khánh Thịnh	Chi phí xây dựng (bao gồm hạng mục chung)	11.710.211.000	11.740.745.000	-30.534.000	0
III	Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ huyện Ba Tơ	Chi phí quản lý dự án	228.700.000	228.700.000	0	0
		Quản lý dự án	228.700.000	228.700.000	0	0
IV		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	711.931.000	698.610.000	-2.751.000	16.072.000
1	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và thương mại Tân Thịnh Đông	Khảo sát địa hình, địa chất + lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	386.270.000	389.021.000	-2.751.000	0
		Lập Hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT	24.822.000	24.822.000	0	0
3	Công ty Cổ phần Tư vấn và xây dựng công trình Đức Tín	Giám sát thi công xây dựng công trình	255.862.000	239.790.000	0	16.072.000



STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
4	Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Hưng An	Chi phí đo vẽ bản đồ địa chính, cắm cọc GPMB	44.977.000	44.977.000	0	0
V		Chi phí khác	147.955.000	147.955.000	0	0
1	Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi	Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	2.660.000	2.660.000	0	0
2	Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	21.814.000	21.814.000	0	0
3	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Bảo hiểm công trình	71.450.000	71.450.000	0	0
		Thẩm tra phê duyệt quyết toán	52.031.000	52.031.000	0	0
	Tổng cộng:		12.992.785.000	13.009.998.000	-33.285.000	16.072.000